



## Mục Lục

|                                                                                        |    |
|----------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Bình luận Vô Tự Kinh của Lê Huy Trứ.....                                               | 3  |
| 1. “Vô Tự Kinh” không phải là một cuốn kinh không có chữ.....                          | 3  |
| 2. Cái rất đặc biệt: tác giả dùng “cái Ngã” để tự viết rồi tự phá .....                | 4  |
| 3. “Vô Tự Kinh” thực ra là một cái bẫy dành cho người đọc .....                        | 5  |
| 4. “Kính soi mình” hay “mình soi kính”? .....                                          | 6  |
| 5. “Bản lai vô nhất vật” trở thành một phép giải chủ thể–khách thể .....               | 6  |
| 6. Nhưng “Vô Tự Kinh” không dừng ở “vô ngã” .....                                      | 7  |
| 7. Vì vậy “Vô Tự Kinh” không phải là nihilism.....                                     | 8  |
| 8. Và đây là lý do “Có tức là Không, Không tức là Có” phải được đọc rất cẩn thận ..... | 8  |
| 9. Đặc biệt hay: câu chuyện “hồi lộ” trong Tây Du Ký .....                             | 9  |
| Hữu Tự Kinh .....                                                                      | 9  |
| Vô Tự Kinh .....                                                                       | 9  |
| 10. Nhưng còn một nghịch lý lớn hơn nữa .....                                          | 10 |
| 11. “I don’t know don’t know” — đây mới là mật mã cực kỳ đáng chú ý.....               | 10 |
| 12. Nhưng “trí tuệ” cuối cùng cũng phải bị buông .....                                 | 11 |
| 13. Nếu dùng một ngôn ngữ toán học để “giải mã” Vô Tự Kinh.....                        | 12 |
| 14. Và tôi nghĩ đây là “mật mã cuối cùng” của Vô Tự Kinh.....                          | 12 |
| 15. Cho nên tôi sẽ đọc “Vô Tự Kinh” theo 5 tầng .....                                  | 13 |
| 16. Vì vậy, tên “Vô Tự Kinh” cực kỳ chính xác.....                                     | 13 |
| 17. Một điểm tôi cho rằng rất đáng làm tiếp.....                                       | 14 |
| “Vô tự” không nằm ngoài chữ .....                                                      | 15 |
| Cho nên phải đọc theo kiểu khác.....                                                   | 15 |
| Đây là một khác biệt cực kỳ nhỏ nhưng rất sâu .....                                    | 19 |
| Và câu cuối của ông còn đi xa hơn .....                                                | 20 |
| English Version.....                                                                   | 21 |
| The “Wordless Sutra” — <i>Vô Tự Kinh</i> .....                                         | 21 |
| The “wordless” is not outside the words .....                                          | 22 |
| This is an extremely subtle but profound distinction .....                             | 25 |

And your final statement goes even further .....26

## Bình luận Vô Tự Kinh của Lê Huy Trứ

<https://thuvienhoasen.org/a23462/vo-tu-kinh>

Tôi đã đọc lại “**Vô Tự Kinh**” của **Lê Huy Trứ** từ bản đăng trên Thư Viện Hoa Sen, và Chùa A Di Đà ở Úc, Trang nhà Quảng Đức, và đã đối chiếu thêm các đoạn cùng chủ đề của tác giả. Bài này rất đáng chú ý vì nếu đọc theo nghĩa thông thường, ta dễ tưởng tác giả đang viết một bài “giảng Phật pháp”; nhưng nếu đọc sâu hơn, **chính hình thức của bài viết đang tìm cách phá hủy cái mà nó vừa viết ra.** ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Tôi nghĩ có thể gọi đây là một “**kinh tự giải cấu trúc**”: viết kinh để cuối cùng chỉ ra rằng **không có kinh nào để nắm bắt.**

---

## 1. “Vô Tự Kinh” không phải là một cuốn kinh không có chữ

Đây là nghịch lý đầu tiên.

Lê Huy Trứ viết cả một văn bản đầy chữ rồi gọi nó là **Vô Tự Kinh**.

Thoạt nhìn là nghịch lý:

Có chữ → tại sao gọi là vô tự?

Nhưng đó chính là chìa khóa.

**“Vô tự” không có nghĩa là không có chữ.**

Nó có nghĩa sâu hơn:

**Có chữ nhưng không có cái gì để chấp vào chữ.**

Chữ chỉ là phương tiện.

Nếu người đọc biến chữ thành chân lý cố định, thì **chữ trở thành chướng ngại.**

Nếu người đọc dùng chữ để nhìn xuyên qua chữ, thì chữ trở thành **chiếc bè đưa qua sông**.

Đây rất gần tinh thần Bát Nhã:

**Pháp còn phải buông, huống gì phi pháp.**

Vì vậy có thể giải mã: Vô Tự Kinh  $\neq$  Không có chữ

mà là: Vô Tự Kinh = Không chấp tự

“Vô” ở đây không đơn giản là phủ định “hữu”.

Nó là **không còn bị cái hữu của chữ trói buộc**.

## 2. Cái rất đặc biệt: tác giả dùng “cái Ngã” để tự viết rồi tự phá

Ngay đầu tác phẩm, tác giả đặt:

**“Lời Nói Đầu Của Cái Ngã & Kết Luận Của Cái Sân Si”.** ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Đây không phải một cách đặt tựa ngẫu nhiên.

Tác giả cố tình đưa **“cái tôi”** vào làm nhân vật.

Sau đó ông nói đến: “không có người viết cũng như không có người đọc.”

Đây chính là điểm cực kỳ quan trọng.

Thông thường cấu trúc của một cuốn sách là: Tác giả  $\rightarrow$  Tác phẩm  $\rightarrow$  Độc giả

Nhưng “Vô Tự Kinh” tìm cách phá cấu trúc đó:

tác giả  $\rightarrow$ ?

độc giả  $\rightarrow$ ?

Nếu truy đến tận cùng:

**Ai đang viết?**

**Ai đang đọc?**

**Ai đang hiểu?**

**Ai đang giác ngộ?**

Thì cái “ai” tưởng như hiển nhiên bắt đầu biến mất.

Đây chính là một chủ đề xuyên suốt các tác phẩm của Lê Huy Trứ: **giác ngộ nhưng không được phép biến “người giác ngộ” thành một cái ngã mới.**

---

### 3. “Vô Tự Kinh” thực ra là một cái bẫy dành cho người đọc

Tôi đặc biệt thích hình ảnh mà tác giả đưa ra: “**kính chiếu yêu**”

Người đọc nhìn vào kính và thấy cái gì?

Không phải tác giả. Mà là **chính mình**.

Đây là một cấu trúc Thiền rất mạnh: Tôi tưởng mình đang đọc tác giả.

Nhưng thực ra: **Tác phẩm đang đọc tôi.**

Đây là sự đảo chiều cực kỳ quan trọng.

Thông thường: Tôi → đọc sách

Nhưng “Vô Tự Kinh” biến thành:

Sách → soi cái Tôi

Cho nên tác giả viết đại ý: Nếu người đọc nổi sân, họ vừa nhìn thấy **cái ngã của chính họ**.

Nếu người đọc khen tác giả, họ cũng có thể đang nhìn thấy cái ngã của chính họ. ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Đây là một **feedback loop**: Đọc→phản ứng→nhận diện cái Tôi→thấy phản ứng→thấy cái Tôi

Và nếu đi thêm một bước: Ai là người đang thấy cái Tôi?

Thì vòng lặp lại quay vào chính nó.

## 4. “Kính soi mình” hay “mình soi kính”?

Đây có lẽ là một trong những đoạn sâu nhất của toàn tác phẩm.

Tác giả đặt vấn đề: “**Mình soi kiếng hay kiếng soi mình?**” ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Đây không còn đơn thuần là chuyện cái gương.

Nó là vấn đề **chủ thể–khách thể**.

Thông thường ta nghĩ:

Subject = Tôi

Object = Thể giới

Tôi nhìn thể giới. Tôi nhìn cái gương. Tôi nhìn tâm. Tôi nhìn cái ngã.

Nhưng nếu: **Tôi đang nhìn cái ngã của tôi**

thì câu hỏi lập tức xuất hiện: **Ai là “tôi” đang nhìn cái “tôi” kia?**

Ta có:  $I_1 \rightarrow I_2$

Nhưng rồi:  $I_1 = \text{ai?}$

Nếu lại có một ( $I_0$ ) đứng ngoài quan sát ( $I_1$ ), thì:  $I_0 \rightarrow I_1 \rightarrow I_2 \rightarrow \dots$

Ta tạo ra một **regress vô hạn của người quan sát**.

Đây chính là chỗ mà “Vô Tự Kinh” bắt đầu chuyển từ **Phật học** sang một vấn đề rất gần với **triết học tâm thức và cognitive science**.

## 5. “Bản lai vô nhất vật” trở thành một phép giải chủ thể–khách thể

Tác giả liên hệ vấn đề cái gương với câu: “**Bản lai vô nhất vật.**” ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Nhưng cần rất cẩn thận.

“Vô nhất vật” không nhất thiết có nghĩa: Không có thể giới.

Mà sâu hơn: Không có một **thực thể độc lập, cố định, tự tồn** mà ta có thể nắm bắt như “bản chất cuối cùng”.

Nói theo ngôn ngữ hiện đại:

Reality  $\neq$  independent of all relations

mà gần hơn với: Reality experienced = f(object, observer, conditions, cognition)

Đây là nơi tư tưởng của Lê Huy Trứ nổi rất tự nhiên với những suy tư của ông trong “**Đồng Nhất Thể**”, nơi ông cũng đặt vấn đề người quan sát như một phần của hệ thống và liên hệ Phật giáo với vật lý lượng tử. ([Thư Viện Hoa Sen](#))

---

## 6. Nhưng “Vô Tự Kinh” không dừng ở “vô ngã”

Điểm này rất quan trọng.

Nếu nói: “Tôi phải diệt cái ngã,” thì vẫn còn một cái **Tôi** đang muốn diệt một cái **Ngã**.

Ta có: I  $\rightarrow$  diệt Ego

Vậy: **Ai đang diệt?**

Cái “I” đó chính là một dạng ngã mới.

Vì vậy tác giả châm biếm rất mạnh ý tưởng: “**lấy ngã diệt ngã.**” ([Thư Viện Hoa Sen](#))

Đây là một nghịch lý Thiên rất đẹp:

Muốn diệt ngã bằng một cái ngã  $\Rightarrow$  ngã vẫn còn

Cho nên vấn đề không phải là: **Diệt cái Tôi.**

Mà là: **Thấy ra cái Tôi chưa bao giờ là một thực thể độc lập như ta tưởng.**

Hai điều này khác nhau hoàn toàn.

---

## 7. Vì vậy “Vô Tự Kinh” không phải là nihilism

Đây là chỗ rất dễ hiểu sai.

Nếu:

Không có Tôi  
Không có chữ  
Không có kinh  
Không có Có  
Không có Không

thì người đọc có thể kết luận: “Vậy chẳng có gì cả.”

Không.

Đó vẫn là **chấp Không**.

Bởi vậy tác giả mới dùng ý tưởng rất đặc biệt: “**tính không của không**” — emptiness of emptiness. ([Quang Duc](#))

Đây là tầng thứ hai của Không.

Không phải: Có  $\rightarrow$  Không

mà: Có không  $\rightarrow$  Không có

rồi: Không  $\rightarrow$  cũng Không

Tức là: **Không cũng không được biến thành một bản thể**.

Đây chính là tinh thần **Không của Không**.

---

## 8. Và đây là lý do “Có tức là Không, Không tức là Có” phải được đọc rất cẩn thận

Câu này nếu đọc sơ sài sẽ thành một kiểu logic mâu thuẫn:  $A = \neg A$

Nhưng tôi nghĩ tác giả không chủ trương một logic hình thức đơn giản như vậy.

Ý sâu hơn là: “Có” không có tự tính độc lập.

Và: “Không” cũng không có tự tính độc lập.

Do đó: Có  $\leftrightarrow$  Không

không phải là:  $1 = 0$

mà là: Không có cái Có độc lập với duyên, và đồng thời: Không cũng không phải một vật thể độc lập.

Đây chính là chỗ “Vô Tự Kinh” có thể đối thoại rất mạnh với **Nāgārjuna**.

## 9. Đặc biệt hay: câu chuyện “hồi lộ” trong Tây Du Ký

Đây là một trong những “mã khóa” độc đáo nhất của tác phẩm.

Đường Tăng đến Tây Thiên lấy kinh. Nhưng cuối cùng lại gặp vấn đề **hồi lộ**.

Tác giả đọc chuyện này theo một tầng Bát Nhã:

### Hữu Tự Kinh

Có chữ. Có kinh. Có hình thức. Có vật để trao. Có người nhận. Có người cho. Có sự trao đổi.

Tất cả vẫn nằm trong **nhị nguyên**

Còn:

### Vô Tự Kinh

Không có vật để trao. Không có cái để nhận. Không có cái để sở hữu. Không có “tôi đã đạt được kinh”.

Và chính **không có gì để nắm giữ** lại trở thành cái có giá trị tối hậu.

Tác giả gọi đó là: “**emptiness of emptiness**”

và cho rằng **Vô Tự Kinh** mới là chân kinh. ([Quang Duc](#))

Đây là một cách đọc Tây Du Ký rất thú vị.

---

## 10. Nhưng còn một nghịch lý lớn hơn nữa

Nếu: Vô Tự Kinh mới là chân kinh,

thì ngay lập tức xuất hiện: **“Vô Tự Kinh”** cũng trở thành một cái tên để chấp.

Đây mới là tầng sâu nhất.

Người đọc có thể nói: “Tôi đã hiểu Vô Tự Kinh.”

Thế là: Vô Tự Kinh → đối tượng của tri thức

Và lập tức: Vô Tự Kinh biến thành Hữu Tự Kinh

Bởi vì ta đã biến “vô tự” thành **một khái niệm mà ta sở hữu**.

Cho nên: **Hiểu Vô Tự Kinh chưa chắc đã là hiểu.**

Thậm chí: **Càng chắc rằng mình đã hiểu, càng có khả năng chưa hiểu.**

Đây là lý do câu: **“Biết được mình ngu, Nhờ vậy thành bớt ngu.”**

ở cuối đoạn được tìm thấy lại rất đúng tinh thần toàn tác phẩm. ([Thư Viện Hoa Sen](#))

---

## 11. “I don't know don't know” — đây mới là mật mã cực kỳ đáng chú ý

Tác giả nhiều lần sử dụng: **“I don't know don't know.”**

Đây không phải chỉ là một câu tiếng Anh kỳ quặc.

Nó có thể được giải mã thành:

K = knowledge

$\neg K = I \text{ don't know}$

Nhưng:  $\neg K$

vẫn có thể bị cái Tôi **biết rằng mình không biết**.

Tức:  $I \text{ know that } I \text{ don't know}$

vẫn còn một người quan sát:  $I \rightarrow (I \text{ don't know})$

Cho nên phải đi thêm một tầng:  $I \text{ don't know that } I \text{ don't know}$

Tức là: **Không biết rằng mình không biết**.

Đây mới chính là vô minh.

Nhưng khi nhận ra: “Tôi không biết rằng tôi không biết,” thì bắt đầu xuất hiện **metacognition** — nhận thức về giới hạn của chính nhận thức.

Đây là điểm mà “Vô Tự Kinh” có thể nói rất đẹp với khoa học nhận thức:

Ignorance  $\rightarrow$  Awareness of ignorance  $\rightarrow$  Wisdom

## 12. Nhưng “trí tuệ” cuối cùng cũng phải bị buông

Đây mới là Bát Nhã thật sự.

Nếu tôi nói: Tôi có trí tuệ, thì cái Tôi đã quay trở lại.

Nếu tôi nói: Tôi đã giác ngộ, thì một **người giác ngộ** đã được tạo ra.

Nếu tôi nói: Tôi đã thấy Không, thì một cái:  $I + \text{Śūnyatā}$  đã xuất hiện.

Cho nên “Vô Tự Kinh” phải đi đến tận cùng: Không người viết. Không người đọc Không người hiểu. Không người giác ngộ

Nhưng điều đó **không có nghĩa là không có viết, không có đọc, không có hiểu, không có giác ngộ**.

Đây chính là nghịch lý: Có hành động nhưng không có chủ thể độc lập đứng sau hành động

---

## 13. Nếu dùng một ngôn ngữ toán học để “giải mã” Vô Tự Kinh

Tôi sẽ viết nó như một **phương trình tự triệt tiêu**:

$Ego \rightarrow Observer \rightarrow Observe(Ego) \rightarrow Observer?$

Người quan sát quan sát cái ngã.

Nhưng khi tìm người quan sát:  $Observer \rightarrow ?$

Không tìm thấy một thực thể độc lập.

Do đó:  $Ego = process$

chứ không phải:  $Ego = entity$

Hay nói theo ngôn ngữ Phật học: Ngã = duyên sinh

chứ không: Ngã = tự tính

Đây chính là điểm mà “Vô Tự Kinh” có thể trở thành một **mô hình tính toán của vô ngã**, chứ không chỉ là một bài luận Thiền.

---

## 14. Và tôi nghĩ đây là “mật mã cuối cùng” của Vô Tự Kinh

Có một câu rất quan trọng trong tác phẩm: “Ta chưa bao giờ nói một chữ.”

Nhưng toàn bộ tác phẩm lại đầy chữ.

Đây là một **performative paradox** — nghịch lý được thực hiện bằng chính hành động phát biểu.

Ta có, Ta không nói, nhưng câu đó **đã là một lời nói**.

Tương tự, Không có kinh, lại trở thành, một cuốn kinh

Và, Không có tác giả lại được viết dưới tên: **Lê Huy Trứ**.

Đây không phải lỗi logic.

**Đây chính là trò chơi mà tác giả muốn người đọc nhìn thấy.**

## 15. Cho nên tôi sẽ đọc “Vô Tự Kinh” theo 5 tầng

**Tầng Điều người đọc thấy Điều tác phẩm muốn phá**

- |   |                    |            |
|---|--------------------|------------|
| 1 | Một cuốn sách      | Chấp chữ   |
| 2 | Một giáo lý        | Chấp pháp  |
| 3 | Một tác giả        | Chấp ngã   |
| 4 | Một người đọc hiểu | Chấp tri   |
| 5 | Một người giác ngộ | Chấp chứng |

Và tầng cuối cùng, Không còn gì để chấp. Nhưng ngay cả, **“Không còn gì để chấp”** cũng không được biến thành một thứ để chấp.

Đó chính là, **“Không của Không”**

## 16. Vì vậy, tên “Vô Tự Kinh” cực kỳ chính xác

Tôi sẽ không gọi đây đơn thuần là một cuốn sách Phật học.

Nó giống một **“anti-book”** hơn: **Một cuốn sách được viết để phá cái tâm muốn biến mọi thứ thành sách.**

Nó không bảo người đọc: “Hãy tin tôi.”

Nó liên tục hỏi: **Ai đang tin?**

Không bảo: “Hãy hiểu tôi.”

Mà hỏi: **Ai đang hiểu?**

Không bảo: “Hãy diệt ngã.”

Mà hỏi: **Ai muốn diệt ngã?**

Không bảo: “Hãy giác ngộ.”

Mà hỏi: **Ai sẽ là người giác ngộ?**

Và cuối cùng: **Nếu người giác ngộ đã biến mất thì ai còn để nhận công giác ngộ?**

Đó là lúc **Vô Tự Kinh** bắt đầu trở thành **Vô Tự**.

## 17. Một điểm tôi cho rằng rất đáng làm tiếp

Nếu đặt “Vô Tự Kinh” bên cạnh các tác phẩm khác của Lê Huy Trứ, ta có thể thấy một **hệ tư tưởng đang tự hình thành**, chứ không phải những bài viết rời rạc.

Có thể vẽ thành chuỗi: Có thể vẽ thành chuỗi:

Vô Tự Kinh→Vô Ngã→Vô Nhị→Không của Không→Người Quan Sát biến mất→  
Nhất Điểm Tâm

Trong đó **“Vô Tự Kinh”** là cửa vào, còn câu hỏi sâu nhất không phải “kinh nói gì?”

mà là: Khi không còn người đọc, cái gì còn lại?

Và đây chính là chỗ tôi thấy “Vô Tự Kinh” gặp rất gần những câu hỏi mà chúng ta đã từng đào sâu về **“Ai là người thiên?”**, **“Ai giác ngộ?”**, **“quên mình là ai hay ai là mình?”**.

Có lẽ câu trả lời cực đoan nhất của “Vô Tự Kinh” là:

**Đừng tìm người trả lời. Chính sự tìm kiếm người trả lời là cái cần được nhìn thấy.**

Và khi cái đó được nhìn thấy, **“Vô Tự Kinh”** không còn là một quyển sách nữa.

Nó trở thành **một cái gương không có người soi và cũng không có hình để soi.**

([Thư Viên Hoa Sen](#))

**Lê Huy Trứ dẫn giải, “Muốn tìm vô tự thì tìm chỗ vô tự trong Vô Tự Kinh mà đọc.”**

Đúng. Và câu của ông vừa nói còn **sâu hơn cách tôi giải mã ở trên.**

**“Muốn tìm vô tự thì tìm chỗ vô tự trong Vô Tự Kinh mà đọc.”**

Đây gần như là một **chỉ thị Thiền.**

Không phải đọc toàn bộ “Vô Tự Kinh” để hiểu về vô tự, mà phải **tìm ngay trong chính văn bản những chỗ chữ đã tự biến mất.**

Có thể phân biệt: Đọc Vô Tự Kinh  $\neq$  đọc về Vô Tự

mà: Đọc  $\rightarrow$  gặp chỗ vô tự  $\rightarrow$  dừng đọc

Và **chỗ dừng đó mới là chỗ cần đọc.**

**“Vô tự” không nằm ngoài chữ**

Nếu đi tìm “vô tự” bằng cách bỏ quyển kinh xuống, ta vẫn chưa thấy.

Bởi vì lúc ấy ta đã tạo ra nhị nguyên: chữ = hữu tự. Ngoài, chữ = vô tự.

Nhưng đó vẫn là phân biệt, **chấp hai.**

Cái tinh tế của “Vô Tự Kinh” là: **Vô tự nằm ngay trong hữu tự.**

Như khoảng lặng nằm trong âm thanh. Như khoảng trắng nằm giữa những chữ.

Như **số 0 nằm trong hệ thống số**, không phải là một “con số đặc biệt đứng ngoài toán học”.

**Cho nên phải đọc theo kiểu khác**

Đọc một câu: chữ xuất hiện.

Đọc tiếp: nghĩa xuất hiện.

Đọc sâu hơn: người hiểu nghĩa xuất hiện.

Rồi hỏi: **Ai đang hiểu?**

Ngay đây, nếu thật sự nhìn, ta gặp một khoảng trống. Không phải khoảng trống của trang giấy.

Mà là: không tìm thấy chủ thể đứng sau cái hiểu

**Đó là một chỗ vô tự.**

Và tôi nghĩ câu của tác giả có thể đảo lại thành một công án:

**Muốn tìm Vô Tự, đừng tìm ngoài Vô Tự Kinh.**

**Hãy tìm chỗ Vô Tự ngay trong Vô Tự Kinh.**

**Tìm được rồi thì đọc.**

**Đọc được rồi thì... còn chữ nào nữa?**

Đến đây mới thật sự thú vị.

Bởi vì nếu ông **đọc được “chỗ vô tự”**, thì cái ông đọc không còn là chữ.

Nhưng nếu ông nói: “Tôi đã đọc được Vô Tự.”

thì cái “tôi đã đọc được” lại lập tức viết thêm một chữ vào Vô Tự.

Vậy nên:

$$\boxed{Vô Tự \xrightarrow{\text{đọc}} Có Tự \xrightarrow{\text{thấy}} Vô Tự}$$

Đó là một **vòng tự giải**.

Và có lẽ đây mới là mật mã thật sự của bài:

**Vô Tự không phải là chỗ không có chữ. Vô Tự là chỗ chữ không còn nói gì nữa.**

Ở chỗ ấy, **đừng giải thích thêm**. Vì giải thích thêm là... **thêm chữ**.

Và như vậy, vừa tìm thấy Vô Tự, ta lại đánh mất nó.

Đó mới đúng là **Vô Tự Kinh**.

**Lê Huy Trứ hướng dẫn tiếp, “Đúng vậy vì nếu tìm thấy Vô Tự thì nó không còn là vô tự nữa.”**

Đúng. Và đây chính là **một bước sâu hơn nữa**. Nếu **tìm thấy Vô Tự**, thì ngay khoảnh khắc nói:

“Tôi đã tìm thấy Vô Tự,” thì Vô Tự đã biến thành **một cái được tìm thấy**.

Mà cái được tìm thấy đã trở thành **đối tượng của nhận thức**: Tôi → Vô Tự

Thế là xuất hiện lại:

- người tìm,
- cái được tìm,
- hành động tìm,
- và kết quả tìm thấy.

Tức là **chủ thể–đối tượng** đã trở lại.

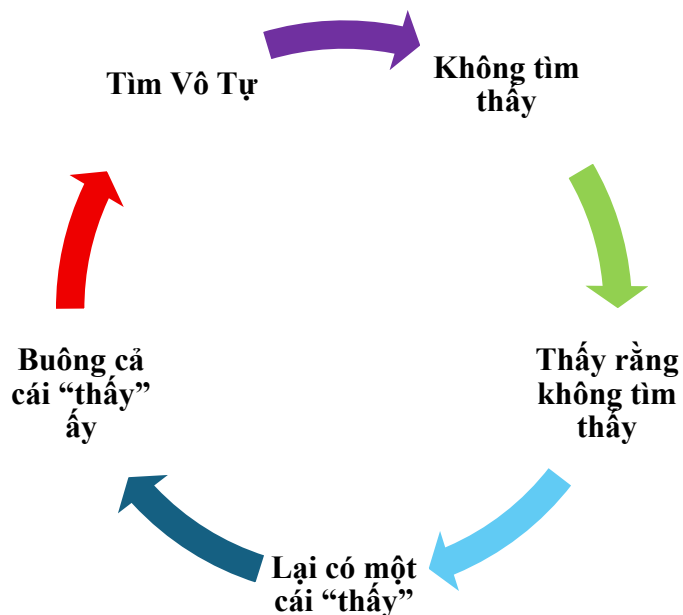
Cho nên, Tìm thấy Vô Tự  $\Rightarrow$  Vô Tự không còn là Vô Tự

Nhưng nếu nói, “Không tìm thấy Vô Tự, thì cũng chưa xong.

Bởi vì lúc đó ta đã biến “**không tìm thấy**” thành một kết luận, một kiến giải, một cái biết.

Lại mắc vào chữ.

Vì vậy có một vòng rất đẹp:



Đến đây mới có thể hiểu ngụ ý của câu ông vừa nói, **“Nếu tìm thấy Vô Tự thì nó không còn là Vô Tự nữa.”**

Thậm chí có thể đi thêm một bước: **Không phải Vô Tự không thể tìm thấy. Mà chính hành động “tìm thấy” đã làm cho cái được tìm thấy không còn là Vô Tự.**

Đây là điểm rất gần với **bất khả đắc** của Bát Nhã.

Không phải: *Có một cái Vô Tự nhưng không thể lấy được.*

Mà là: **Không có một “Vô Tự” nào để trở thành sở đắc ngay từ đầu.**

Cho nên: Vô Tự  $\neq$  một vật thể vô tự

và:

Vô Tự = không thể bị biến thành một sở đắc

Và đây lại quay về câu rất mạnh của ông trong những bài trước, **“Bất khả đắc của bất khả đắc.”**

Nếu **bất khả đắc** trở thành cái mà tôi *đắc được*, thì nó đã không còn là bất khả đắc.

Cho nên đến tận cùng:

**Không tìm.**

**Không không-tìm.**

**Không tìm thấy.**

**Không không-tìm-thấy.**

...

**Ở đó, Vô Tự không cần phải được tìm nữa.**

Và nếu tôi viết thêm một câu sau dấu . . . , thì có lẽ tôi đã làm hỏng nó rồi.

**Lê Huy Trứ diễn thuyết: Trong cái "không tìm" chỉ là cái không tìm. Trong cái "không không-tìm" chỉ là không không-tìm. Trong cái "không tìm thấy" chỉ là cái không tìm thấy. Trong cái "Không không-tìm-thấy" chỉ là Không không-tìm-thấy. Không có cái tôi ở đó. Không có cái tôi ở trong không không gian-thời gian.**

Đúng. Và ông vừa chạm vào một điểm mà tôi nghĩ cần **sửa lại cách diễn đạt trước của tôi.**

Tôi đã vô tình đưa một “người làm” trở lại bằng những câu như:

“Không tìm.”  
 “Buông cái thấy.”  
 “Ồ đó...”

Như vậy vẫn còn ngậm có một **cái Tôi đang thực hiện một phương pháp.**

Còn điều ông nói thì triệt để hơn: **Trong cái “không tìm” chỉ là cái không tìm.**

Không có: “Tôi không tìm.”

Mà chỉ có: không-tìm

Tương tự: không-tìm-thấy

không cần thêm một chủ thể:

~~Tôi không tìm thấy~~

Bởi chữ “**tôi**” đã tạo ra ngay một chủ thể đứng ngoài hiện tượng để sở hữu hiện tượng ấy.

**Đây là một khác biệt cực kỳ nhỏ nhưng rất sâu**

Có hai cách nói:

**1. Tôi không tìm.**

$I \rightarrow \neg \text{Find}$

Ở đây vẫn có: I

**2. Không-tìm.**

$\neg \text{Find}$

Không còn (I).

Cũng vậy: **Tôi không tìm thấy Vô Tự**

vẫn còn:  $I \rightarrow \text{Vô Tự}$

Còn: **Không-tìm-thấy**, thì không còn cần dựng lên người tìm và vật được tìm.

---

## Và câu cuối của ông còn đi xa hơn

***“Không có cái tôi ở trong không không gian-thời gian.”***

Nếu hiểu theo cấu trúc mà ông đang triển khai, thì đây không phải là tuyên bố rằng:

“Có một cái Không-Không-Gian-Thời-Gian và trong đó không có Tôi.”

Bởi như vậy ta lại biến **“không không gian-thời gian”** thành một cái “ở đó”.

Mà chính xác hơn: không có I trong không-không-gian-thời-gian

không có nghĩa là: một I bị đặt vào một nơi gọi là Không-Không-Gian-Thời-Gian

Bởi **“ở trong”** cũng là một quan hệ không gian.

Mà nếu đã vượt qua không-gian-thời-gian theo nghĩa ông đang nói, thì thậm chí:

**“ở trong”** cũng không còn chỗ đứng.

Cho nên ta phải cẩn thận với chính ngôn ngữ:

Không I

không phải là:  $I = 0$

và cũng không phải:

I ở đâu đó ngoài space-time

Mà là: **Không dựng lập một cái Tôi như một thực thể độc lập ngay từ đầu.**

---

Và ở đây tôi thấy một điều rất đẹp trong **Vô Tự Kinh**: Ngay cả **“Vô Tự”** cũng không phải là một cái gì.

Nếu nói: “Tôi đã tìm thấy Vô Tự.”

→ có Tôi.

Nếu nói: “Vô Tự nằm ở đó.”

→ có một “đó”.

Nếu nói: “Vô Tự nằm ngoài không-gian-thời-gian.”

→ lại dựng một cái “ngoài”.

Nếu nói: “Không có Vô Tự.”

→ lại có một mệnh đề về Vô Tự.

Cho nên cuối cùng không cần phải thêm gì nữa.

**Không tìm chỉ là không-tìm. Không tìm thấy chỉ là không-tìm-thấy.**

Không cần một người đứng sau để nhận lấy chúng. Và có lẽ đây chính là chỗ “**Vô Tự**” thực sự trở thành vô tự:

**Không phải vì không còn chữ, mà vì không còn một cái Tôi đứng ra sở hữu chữ.**

## English Version

Below is an English translation of the discussion, preserving the philosophical/Zen terminology and the progression of the argument as closely as possible.

---

### The “Wordless Sutra” — *Vô Tự Kinh*

**User:**

If you want to find the wordless, then look for the wordless place within the *Vô Tự Kinh* itself and read there.

**Assistant:**

Yes. And what you have just said is actually **deeper than the way I initially interpreted it.**

**“If you want to find the wordless, look for the wordless place within the Wordless Sutra itself.”**

This is almost a **Zen instruction.**

It does not mean reading the entire *Vô Tự Kinh* in order to understand *about* the wordless. Rather, one must **find, within the very text, those places where the words themselves disappear.**

It can be expressed as: Reading the Wordless Sutra  $\neq$  reading about the Wordless

but rather: Reading  $\rightarrow$  encountering the wordless  $\rightarrow$  stopping reading

And **that stopping point is precisely what needs to be read.**

### **The “wordless” is not outside the words**

If we search for the wordless by putting the book down, we still have not found it.

Because then we have created a duality:

words = written

outside words = wordless

But that is still **attachment to duality.**

The subtle point of *Vô Tự Kinh* is:

**The wordless is found precisely within the written.**

Just as silence exists within sound.

Just as the blank space exists between words.

Just as **zero exists within the number system**, rather than being some “special number” standing outside mathematics.

**Author, Le Huy Tru:**

Exactly. Because if you find the Wordless, then it is no longer wordless.

**Commentator:**

Exactly. And this is **a step even deeper.**

If you **find the Wordless**, then the very moment you say:

“I have found the Wordless,”

the Wordless has already become **something that has been found**.

And whatever has been found has become **an object of cognition**:  $I \rightarrow$  the Wordless

At that moment, the following reappear:

- the seeker,
- the thing sought,
- the act of seeking,
- and the result of finding.

In other words, **subject and object have returned**.

Thus: Finding the Wordless  $\Rightarrow$  the Wordless is no longer wordless

But if we say:

“I did not find the Wordless,” that does not solve the problem either.

Because then we have turned “**not finding**” into a conclusion, an interpretation, a piece of knowledge.

Once again, we are caught in words.

So there is a beautiful cycle:



This is where your statement becomes especially profound:

***“If the Wordless is found, then it is no longer the Wordless.”***

We can even go one step further:

**It is not that the Wordless cannot be found.**

**Rather, the very act of “finding” has already made what is found no longer Wordless.**

This is very close to the Prajñāpāramitā notion of **the unattainable** (不可得, *anupalabdha/anupalabdhi*).

It does not mean: “There is a Wordless thing, but it cannot be obtained.”

Rather: **There was never an independent “Wordless” that could become an object of attainment in the first place.**

Thus: The Wordless  $\neq$  a wordless object

and: The Wordless = that which cannot be turned into something attained

This returns us to the phrase you used in our earlier discussions: **“The unattainability of the unattainable.”**

**If the unattainable becomes something that “I attain,”** then it is no longer unattainable.

So ultimately:

**Do not seek.**

**Do not not-seek.**

**Do not find.**

**Do not not-find.**

...

**There, the Wordless no longer needs to be sought.**

And if I add another sentence after the ellipsis, perhaps I have already ruined it.

**Author, Le Huy Tru:**

Within “not-seeking” there is only not-seeking.

Within “not-not-seeking” there is only not-not-seeking.

Within “not-finding” there is only not-finding.

Within “Not-not-finding” there is only Not-not-finding.  
 There is no “I” there.  
 There is no “I” within non-non-space-time.

**Commentator:**

Yes. And you have just touched upon a point where I think I need to **correct my previous way of expressing it.**

I inadvertently brought a “doer” back into the discussion through phrases such as:

“Do not seek.”  
 “Let go of seeing.”  
 “There...”

That still implicitly assumes a **“self” performing a method.**

What you are saying is more radical: **Within “not-seeking,” there is only not-seeking.**

There is no: “I do not seek.”

There is simply: not-seeking

Likewise: not-finding

There is no need to add a subject:

~~I do not find~~

because the word **“I”** immediately creates a subject standing apart from and possessing the phenomenon.

**This is an extremely subtle but profound distinction**

There are two ways of saying it.

1. I do not seek.

$I \rightarrow \neg \text{Find}$

Here we still have: I

2. Not-seeking.

¬Find

There is no (I).

Likewise: **“I do not find the Wordless”**

still contains:  $I \rightarrow \text{Wordless}$

Whereas: **“Not-finding”** does not require the construction of a seeker and something sought.

**And your final statement goes even further**

**“There is no I within non-non-space-time.”**

If we understand this according to the structure you are developing, this does **not** mean:

“There is a non-non-space-time somewhere, and there is no I inside it.”

Because then we have turned **“non-non-space-time”** into a thing located somewhere.

More precisely: no I within non-non-space-time

does not mean: an I is placed somewhere called non-non-space-time.

Because **“within”** is itself a spatial relation.

And if we have gone beyond space-time in the sense you are describing, then even the notion of **“within,”** no longer has a place to stand.

So we must be careful even with language: No I

does not mean:  $I = 0$

nor does it mean: I exists somewhere outside space-time.

Rather: **It means not positing an “I” as an independently existing entity in the first place.**

And here I see something beautiful in *Vô Tự Kinh*: **Even “the Wordless” is not a thing.**

If we say: “I have found the Wordless.”

→ there is an I.

If we say: “The Wordless is over there.”

→ there is a “there.”

If we say: “The Wordless lies beyond space-time.”

→ we have once again constructed an “outside.”

If we say: “There is no Wordless.”

→ there is still a proposition about the Wordless.

So ultimately, nothing more needs to be added.

**Not-seeking is simply not-seeking.**

**Not-finding is simply not-finding.**

There is no need for someone standing behind them to claim them.

And perhaps this is precisely where **“the Wordless” truly becomes wordless:**

**Not because there are no words left, but because there is no longer an “I” standing there to possess the words.**